TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Chiến

2. Ông Nguyễn Văn Sua

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1965; Địa chỉ: tổ 3, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: tổ 3, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Anh Nguyễn Đình K trình bày:* Anh và Chị T chung sống với nhau từ năm 1982, không đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau, không bàn bạc làm ăn chung. Anh đã cố gắng khắc phục, cải thiện mâu thuẫn để hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, tuy sống chung nhà nhưng ăn riêng ngủ riêng, việc ai nấy làm, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau

được nữa nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị T.

Về con chung: Thời gian chung sống anh và Chị T có 2 con chung là Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 03/10/1983 và Nguyễn Minh N2, sinh ngày 15/11/1985. Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh chị nợ Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Tây Ninh số tiền 480.000.000 đồng, thế chấp hai phần đất do anh chị đứng tên nhưng chưa đến hạn trả nợ, Ngân hàng và anh chị không yêu cầu giải quyết nợ chung.

Bị đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày trong hồ sơ: Chị thống nhất với lời khai của Anh K về thời gian chung sống từ năm 1982, không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 Anh K nói anh có người phụ nữ khác, nên vợ chồng gây gổ cự cãi, đánh nhau, chị đi ở với con từ tháng 03/2019 đến tết năm 2020 về nhà, vợ chồng không ăn chung, ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nếu Anh K giao lại tài sản cho con thì chị đồng ý ly hôn, nếu không đồng ý giao tài sản thì chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết

Tài sản chung: Anh chị có hai phần đất tọa lạc ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh do chị và Anh K mỗi người đứng tên một phần đất. Chị yêu cầu Anh K làm thủ tục sang tên hai phần đất trên cho hai con, nhưng không làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh K trình bày là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cở sở, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh K, xử cho anh được ly hôn với Chị T. Về con chung đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị T.

Về phạm vi khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung của Anh K, Chị T đối với Ngân hàng trong vụ án ly hôn. Do đó Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của Anh K, Chị T trong vụ án ly hôn và không đưa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tham gia Tố tụng trong vụ án.

[2] Về Nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K, Chị T chung sống với nhau năm 1982, không đăng ký kết hôn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình xác định việc Anh K, Chị T chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh K xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2012, ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, sống chung nhà nhưng không ăn chung, không ngủ chung, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị T xác định vợ chồng sống chung không có hạnh phúc, ly thân từ tháng 03/2019 đến nay, Chị T không đồng ý ly hôn với lý do Anh K không sang tên tài sản cho con. Xét thấy anh chị bất đồng quan điểm sống nên ly thân nhau thời gian dài, không có thiện chí hàn gắn, cải thiện mâu thuẫn, không cùng nhau bàn bạc, làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tình cảm vợ chồng đã thật sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh K, xử cho anh được ly hôn với Chị T là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh K, Chị T xác nhận anh chị có tài sản chung là hai phần đất tọa lạc tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh, do Anh K và Chị T mỗi người đứng tên một phần đất. Anh K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Chị T yêu cầu Anh K sang tên tài sản cho con nhưng không làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh chị. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Anh chị có nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Tây Ninh – PGD Cầu Quan số tiền 480.000.000 đồng và thế chấp hai tài sản trên, nhưng chưa đến hạn trả nợ. Anh chị và Ngân hàng TMCP

Công thương Việt Nam không yêu cầu giải quyết nợ chung trong vụ án ly hôn, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó Hội đồng xé t xử không đặt ra giải quyết nợ chung.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình K được ly hôn với Chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 03/10/1983 và Nguyễn Minh N2, sinh ngày 15/11/1985. Các con đã trưởng thành không xem xét giải quyết

3.Tài sản chung: Anh K, Chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh K, Chị T và ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Tây Ninh không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007456 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh K đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thu